

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÈO VẠC
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2024

"Về tranh chấp Ly hôn, con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÈO VẠC, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Yên

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Ngọc Thăng, bà Sùng Thị Máy

- Thư ký phiên tòa: ông Mua Mí Chứ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông: Vừ Mí Sính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn, con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Bùi Nam T, sinh năm 19...

Địa chỉ: số nhà ..., tổ dân phố 13, N, phường M, quận N1, H;
CCCD số 00..., cục CSQLHC về TTXH cấp ngày ...; có mặt.

2. *Bị đơn:* chị Trần Thị Hà T1, sinh năm 19..

Địa chỉ: tổ 4, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh H1;

Số định danh cá nhân: 00...; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2024 và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bùi Nam T trình bày:

Anh và chị Trần Thị Hà T1 kết hôn năm 2020 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N1, thành phố H. Trong thời gian sống chung, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng xảy ra cãi vã, đánh nhau, sống không hạnh phúc, từ tháng 11/2023 chị T1 đưa con gái và toàn bộ giấy tờ về nhà ngoại ở tổ 4, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh H1 sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó. Anh nhận thấy anh và chị T1 không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh kiên quyết xin ly hôn với chị T1.

Về con chung, vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Bùi Trần Thanh T2, sinh ngày 03/01/2020, khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung và

không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con cho anh. Quá trình làm việc và tại phiên tòa, anh T đồng ý để chị T1 là người trực tiếp nuôi con chung và anh cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T1 là 3.000.000 đồng /tháng (Ba triệu đồng/tháng).

Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, công nợ chung không có, anh không đề nghị giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn Trần Thị Hà T1 trình bày:

Chị và anh Bùi Nam T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2000 tại UBND phường M, quận N1, H, vợ chồng có một con chung Bùi Trần Thanh T2 sinh ngày .../.../2020. Quá trình chung sống có chút cãi vã nhưng vẫn hạnh phúc, cho đến khi có kinh tế và làm ăn chung với anh em từ đó nhiều mâu thuẫn xảy ra, anh T bạo lực đánh đập, đuổi chị và có lời lẽ xúc phạm, khiếm nhã, vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, tháng 11/2023 chị phải ôm con về nhà mẹ đẻ sống, chị đồng ý ly hôn, đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng/tháng). Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, công nợ chung không có, chị không đề nghị giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/6/2024, chị Trần Thị Hà T1 vắng mặt nên phiên họp không tiến hành được, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị T1 trình bày trong 05 năm chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm hai vợ chồng không còn, tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng/tháng).

Qua xác minh, ông Trần Kim H2 (là bố đẻ chị T1) cho biết, từ năm 2023 vợ chồng anh T chị T1 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn về kinh tế do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19, sau đó thì chị T1 anh T không còn sống chung từ đó đến nay; bà Phạm Thị V (là mẹ đẻ chị T1) cũng xác nhận chị T1 anh T không sống chung cùng nhau từ năm 2023.

Tổ dân số 13 N, phường M, quận N1, H xác nhận, vợ chồng anh T chị T1 đánh nhau, mâu thuẫn nhiều, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng, đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên căn cứ vào điều 51, khoản 1 điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014, điều 147, 271, 273 BLTTDS, khoản 5,6 điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T ly hôn; về con chung: giao cháu Bùi Trần Thanh T2 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T1 là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng/tháng); về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận, nợ chung không có, nên không xem xét; anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Bùi Nam T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Hà T1, con chung, là tranh chấp được quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Mèo Vạc, theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Nam T và chị Trần Thị Hà T1 xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/3/2020 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N1, H, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Nam T: mâu thuẫn vợ chồng anh là về tiền bạc, từ tháng 11/2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, thấy rằng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của anh Bùi Nam T là có cơ sở, cần chấp nhận theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Con chung: anh Bùi Nam T và chị Trần Thị Hà T1 có một con chung là cháu Bùi Trần Thanh T2 sinh ngày .../.../2020. Anh T đồng ý để chị T1 trực tiếp nuôi con chung và anh cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T1 là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng/tháng), sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, được chấp nhận.

[5] Tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Công nợ chung: anh chị không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí: căn cứ điều 147 BLTTDS, khoản 5, 6 điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Bùi Nam T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí dân sự đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; khoản 1 điều 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 5, 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi Nam T được ly hôn với chị Trần Thị Hà T1.

2. Con chung:

Giao cho chị Trần Thị Hà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Trần Thanh T2 sinh ngày .../.../2020 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh Bùi Nam T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng/tháng), bắt đầu từ ngày 01/11/2024, phương thức cấp dưỡng một tháng một lần. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Công nợ chung: Không có, không xem xét.

5. Án phí: anh Bùi Nam T phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003805 ngày 16/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

Anh Bùi Nam T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Mèo Vạc;
- Chi cục THADS huyện Mèo Vạc;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Yên